TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 23 tháng 01 năm 2018

Số: 13 /2018/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2017/TLST-HNGĐ (Thụ lý mới số 44/2018) ngày 21/12/2017 giữa:

***Nguyên đơn**: Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1981.

***Bị đơn**: Chị Ngần Thị N, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Thôn C, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Trung T và chị Ngần Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Anh Hoàng Trung T và chị Ngần Thị N đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Như N1; sinh ngày 04/12/2009 và cháu Hoàng Trung N2, sinh ngày 07/8/2011. Khi ly hôn, anh T chị N đều thống nhất giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Anh T có

trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000đồng/tháng(*một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*) kể từ tháng 2 năm 2018 đến khi hai cháu trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh T không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi xuất chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

b. Về tài sản chung và công nợ chung: anh T, chị N xác định không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

c. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: anh T và chị N thống nhất thỏa thuận anh T nộp toàn bộ án phí. Số tiền anh T phải nộp là 150.000đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh T phải nộp là 150.000đồng.

Tổng số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2016/0000840 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **Thẩm phán**

- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND TP. Ninh Bình (3).*
- *CCTHADS TP. Ninh Bình (1).*
- *UBND xã N*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Nguyễn Thị Bích Thủy